TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HS-ST
Ngày: 24-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Huy và bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Hưng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Long - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại nhà văn hóa khu L, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Đức S**, sinh năm 1988; Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Cao B và bà Lê Thị Q; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữa từ ngày 06/3/2018, tạm giam từ ngày 09/3/2018, hiện tạm giam tại Trại tạm giam KC - Công an tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. **Phạm Ngọc Mỹ T** (tức M), sinh năm 1996; nơi ĐKHKTT: Số 11B, khu phố 1, phường 1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; nơi ở: Khu dân cư P, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc G và bà Trần Thị Kim X; bị cáo chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/3/2018, hiện tạm giam tại Trại tạm giam KC - Công an tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Người chứng kiến.

Anh Nguyễn Công B, sinh năm 1977

Địa chỉ: Khu P, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi tối ngày 05/3/2018, Phạm Ngọc Mỹ T (tức M) và Phạm Đức S cùng rủ nhau chung tiền mua ma túy về để bán kiếm lời. T đưa cho S số tiền 3.700.000 đồng để S đi mua ma túy. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, S thuê xe ôm đến khu vực ga L, huyện K, tỉnh Hải Dương mua của một người đàn ông không xác định được họ tên, địa chỉ 01 gói ma túy đá được đựng trong 01 túi nilon với giá 1.400.000 đồng. Su đó, S mang ma túy về phòng trọ của T ở khu P, thị trấn K, huyện K cất giấu. Sáng ngày 06/3/2018, S lấy gói ma túy mua được hôm trước ra chia làm 02 gói, S giữ 01 gói và đưa cho T cất giữ 01 gói. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, S mang theo gói ma túy ra đứng ở khu vực cổng khu nhà trọ T đang thuê xem có ai mua ma túy thì bán. Lúc này có đối tượng tự khai là Nguyễn Văn D, sinh năm 1989, trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương đến hỏi mua 600.000 đồng ma túy, S đồng ý rồi lấy trong người ra 01 gói ma túy đưa cho D và nhận của D số tiền 600.000 đồng thì bị Tổ công tác thuộc Công an huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương phối hợp với Công an thị trấn K phát hiện bắt quả tang. Lực lượng công an thu giữ tại túi quần bên trái của S đang mặc số tiền 600.000 đồng, thu giữ tại túi quần bên phải D đang mặc 01 túi nilon kích thước 02x02cm, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, D khai nhận đó là ma túy do D vừa mua được của S (được niêm phong ký hiệu M1). Hồi 18 giờ ngày 06/3/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Kinh Môn khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Ngọc Mỹ T và thu giữ của T 01 ví da màu đen bên trong có 01 túi nilon kích thước 02x2,4cm, trong chứa chất tinh thể màu trắng (được niêm phong ký hiệu M2) và 01 chứng minh nhân dân của T.

Tại bản kết luận giám định số 212/KLGĐ-PC54 ngày 09/3/2018, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng ghi thu khi bắt quả tang, niêm phong trong phong bì ký hiệu M1 gửi đến giám định có khối lượng là 0,084 gam, là loại Methamphetamine; chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng ghi thu trong quá trình khám xét nơi ở của Phạm Ngọc Mỹ T, niêm phong trong phong bì ký hiệu M2 gửi đến giám định có khối lượng 0,356 gam, là loại Methamphetamine.

Tại Cáo trạng số 53/CT-VKSKM ngày 28/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn truy tố các bị cáo Phạm Đức S và Phạm Ngọc Mỹ T (tức M) về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận hành vi như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm

2017 đối với hai bị cáo, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Đức S, xử phạt bị cáo Phạm Đức S từ 30 đến 33 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 06/3/2018; xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Mỹ T (tức M) từ 30 đến 33 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/3/2018. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ lượng ma túy do cơ quan giám định hoàn lại; tịch thu của bị cáo T chiếc ví da cho hủy bỏ; tịch thu của các bị cáo số tiền 600.000 đồng sung quỹ nhà nước; trả lại bị cáo T 01 giấy chứng minh nhân dân; về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Cơ quan điều tra Công an huyện Kinh Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của người chứng kiến, phù hợp nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 14 giờ 30 phút và biên bản khám xét hồi 18 giờ 00 phút ngày 06/3/2018 do Công an huyện Kinh Môn lập, phù hợp với vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 06/3/2018, tại khu vực cổng khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị V ở khu P, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương, Phạm Đức S và Phạm Ngọc Mỹ T (tức M) có hành vi bán trái phép 01 gói ma túy Methamphetamine cho đối tượng tự khai Nguyễn Văn D thu số tiền 600.000 đồng và cất giấu trái phép 0,356 gam ma túy Methamphetamine với mục đích để bán kiếm lời. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc chung tiền mua ma túy về bán trái phép cho người khác bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện vì tư lợi. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ. Đây là vụ đồng phạm trong đó, bị cáo S trực tiếp đi mua ma túy, chia ma túy và trực tiếp bán ma túy cho đối tượng D nên giữ vai trò

chính; bị cáo T góp tiền cho bị cáo S đi mua ma túy và trực tiếp cất giữ một gói ma túy để bán nên giữ vai trò sau bị cáo S.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận tội nên đều được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo S có bố đẻ là ông Phạm Cao B là thương binh hạng 4/4 nên bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4]. Về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt.

[5]. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Xét tính chất hành vi các bị cáo thực hiện và điều kiện kinh tế của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về vật chứng: Toàn bộ lượng ma túy thu giữ của các bị cáo do cơ quan giám định hoàn lại là vật nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu cho tiêu hủy; số tiền 600.000 đồng thu giữ của các bị cáo là tiền có được do bán trái phép chất ma túy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; chiếc ví da màu đen của bị cáo T sử dụng để cất giấu trái phép chất ma túy vật có giá trị sử dụng thấp cần tịch thu cho hủy bỏ; chiếc chứng minh nhân dân của bị cáo T là giấy tờ tùy thân của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo T, theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7]. Đối với đối tượng mua ma túy của các bị cáo tự khai là Nguyễn Văn D, sinh năm 1989, trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương, Cơ quan điều tra - Công an huyện Kinh Môn tiến hành xác minh tại UBND xã H, huyện K xác định không có người nào có tên, tuổi như trên, Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý nên không đặt ra xem xét

[8]. Về án phí: Các bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với cả hai bị cáo; căn cứ thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Đức S.

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Đức S và Phạm Ngọc Mỹ T (tức M) phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Phạm Đức S 33 (ba mươi ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 06/3/2018.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Mỹ T (tức M) 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/3/2018.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu toàn bộ lượng ma túy do cơ quan giám định hoàn lại đựng trong phong bì số 212/KLGĐ-PC54 có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương cho tiêu hủy; tịch thu của các bị cáo số tiền 600.000 đồng sung quỹ Nhà nước; tịch thu của bị cáo Phạm Ngọc Mỹ T (tức M) chiếc ví da màu đen cho hủy bỏ (toàn bộ vật chứng nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện K quản lý). Trả lại bị cáo Phạm Ngọc Mỹ T (tức M) bản gốc chứng minh nhân dân số 312286670 do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09/11/2010.

Về án phí: Buộc Phạm Đức S và Phạm Ngọc Mỹ T (tức M) mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kinh Môn;
- VKSND tỉnh Hải Dương (P7);
- Công an huyện Kinh Môn;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Hiệu